

Bản án số: 479/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/08/2020

V/v tranh chấp: **Ly hôn**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Như Hùng

2. Ông Đào Văn Hoan

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 312/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 06 năm 2020 về “**Tranh chấp ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2020/QĐXX-ST ngày 14/08/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mùi Thị Hoa L, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Số 71, ngõ 211, phố K, phường K, quận T, Hà Nội - Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 71, ngõ 211, phố K, phường K, quận T, Hà Nội; Hiện nay đang chấp hành án tại đội 8, phân trại 2, Trại giam H, thành phố C, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Mùi Thị Hoa L trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Mạnh C ngày 30/06/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận T, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất của chị và là lần kết hôn thứ hai của anh C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh C ở số 71, ngõ 211, phố K, phường K,

quận Thanh Xuân, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Tháng 9/2011, anh C vi phạm pháp luật và phải đi tập trung cải tạo 05 năm tại Trại giam T. Trong thời gian anh C đi cải tạo, chị và gia đình vẫn thăm nom, động viên tinh thần để anh C cải tạo tốt. Sau khi ra tù, vợ chồng đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian ngắn, tháng 5/2017, anh C lại tiếp tục vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Từ tháng 01/2018, anh C về chấp hành án tại Trại giam H, thành phố C, tỉnh H. Chị có đến thăm nom, tiếp tế cho anh C bốn, năm lần nhưng vợ chồng không trao đổi gì về chuyện tình cảm.

Do không thể chấp nhận được việc một người chồng liên tục vi phạm pháp luật, liên tục đi tập trung cải tạo như vậy nên cuối năm 2018, chị đã làm đơn xin ly hôn anh C. Sau đó, vì thương con nên chị đã rút đơn ly hôn, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn, tình trạng vợ chồng không thay đổi nên chị tiếp tục làm đơn xin ly hôn anh C. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đối với anh C không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Gia P - sinh ngày 04/10/2009. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm tự do, có thu nhập ổn định và đủ khả năng nuôi con

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung:

Về động sản và bất động sản chung: Chị và anh C không có tài sản, nhà đất chung. Quá trình ở cùng gia đình anh C, chị cũng không có đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình chồng nên nay ly hôn, chị không có yêu cầu, đề nghị gì về tài sản.

Về nợ chung: Chị và anh C không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh C trình bày: Anh và chị L kết hôn năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận T, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ hai của anh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại số 71, ngõ 211, phố K, phường Krung, quận T, Hà Nội đến tháng 9/2011 thì anh bị bắt và phải đi tập trung cải tạo 05 năm tại Trại giam T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Năm 2016, anh ra tù, vợ chồng tiếp tục chung sống bình thường. Đến năm 2017, anh tiếp tục vi phạm pháp luật và bị Tòa án thành phố H xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sau khi Tòa án xét xử, anh về chấp hành án tại trại giam H. Quá trình tập trung cải tạo, chị L chỉ đến thăm anh 04 lần và cũng không tiếp tế gì cho anh. Cùng năm 2018, chị L đã gửi đơn xin ly hôn anh đến Tòa án, Tòa án có đến lấy

lời khai của anh, anh đã đồng ý ly hôn nhưng sau đó không hiểu vì lý do gì chị L lại rút đơn nên Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi rút đơn, chị L đến trại giam gặp anh 01 lần, vợ chồng cũng không trao đổi gì về tình trạng hôn nhân. Tháng 9/2019, chị L tiếp tục làm đơn xin ly hôn anh lần thứ hai, cũng không thông báo trước cho anh. Đến khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án do Tòa án gửi, anh mới biết.

Nay quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị L vì xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh không muốn níu kéo một người cứ liên tục làm đơn xin ly hôn anh như vậy. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của nguyên đơn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn, do anh đang phải tập trung cải tạo nên đồng ý để chị L nuôi con. Nếu sau này chị L nuôi con không tốt hoặc đi lấy người khác thì anh sẽ xin thay đổi nuôi con sau.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay anh đang phải chấp hành án, không có thu nhập, không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

Về nhà đất chung: Không có.

Về các khoản nợ chung: Vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Chị L trình bày:* Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh C vì xác định tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung: Chị giữ nguyên nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung, chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa có quan điểm:

- *Về việc tuân theo Pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:* Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên, bị đơn theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thu thập tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu: Giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh của con chung, giấy chứng minh

nhân dân, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của tổ dân phố, đơn trình bày nguyện vọng của con; Toà án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân của nguyên, bị đơn tại tổ dân phố số 13, phường K và gia đình anh C. Về tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, Toà án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật; Về chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử: Toà án thụ lý vụ án 16/06/2020, ngày 14/08/2020, Toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Toà án đã tuân thủ thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tổng đạt văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định của pháp luật; Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán, thư ký quy định tại điều 48, điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- *Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

- *Về việc giải quyết vụ án*: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 262 BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Mục 1.1 Khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Mùi Thị Hoa L. Chị L được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh C; Về con chung: Giao con chung của anh chị là Nguyễn Gia P - sinh ngày 04/10/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh C đến khi chị L có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung, nhà ở chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn - chị Mùi Thị Hoa L có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Mạnh C (có nơi cư trú cuối cùng trước khi đi tập trung cải tạo: Số 71, ngõ 211, phố K, phường K, quận T, Hà Nội), căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự - đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn - anh Nguyễn Mạnh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng do anh C đang chấp hành án tại Trại giam H, thành phố C, tỉnh Hải Dương và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Chị Mùi Thị Hoa L và anh Nguyễn Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 30/06/2008 của Ủy ban nhân dân phường K, quận T, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 9/2011 thì anh C vi phạm pháp luật, phải đi tập trung cải tạo trong thời hạn 05 năm. Năm 2016, anh C ra tù, vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chỉ được một thời gian ngắn anh C lại vi phạm pháp luật, bị Tòa án xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Trong thời gian tập trung cải tạo, chị L không thăm nom, tiếp tế thường xuyên cho anh C. Tháng 3/2018, chị L đã làm đơn xin ly hôn anh C, sau đó rút đơn nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện, anh chị không liên lạc, trao đổi hoặc có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tháng 9/2019, chị L tiếp tục làm đơn xin ly hôn anh C lần thứ hai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi lời khai của anh C, bản thân anh C cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và không muốn níu kéo hôn nhân khi một bên là chị L kiên quyết xin ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của nguyên đơn.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị L, anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Gia P - sinh ngày 04/10/2009. Chị L có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay anh C đang tập trung cải tạo tại trại giam, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bản thân cháu P cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung của anh chị cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu và bên không trực tiếp nuôi con là anh C đang phải chấp hành án, cũng không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh C đến khi chị L có yêu cầu.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) chung: Anh chị thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh chị đều xác nhận không có khoản nợ chung nào nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 Khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 Khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14:

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mùi Thị Hoa L đối với anh Nguyễn Mạnh C.

Chị Mùi Thị Hoa L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh C.

[2]. Về con chung: Giao con chung của anh chị là Nguyễn Gia P - sinh ngày 04/10/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh C đến khi chị L có yêu cầu.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung (gồm động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Anh chị thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[4]. Về án phí: Chị Mùi Thị Hoa L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000026 ngày 16/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Thanh Xuân
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân
- Lưu hồ sơ vụ án

Đỗ Thị Diệu Thúy